

Số: /KH-UBND

Bà Rịa-Vũng Tàu, ngày tháng năm 2021

## **KẾ HOẠCH**

### **Hỗ trợ đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 03 tháng giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu**

Căn cứ Quyết định số 357/QĐ-TTg ngày 10/3/2020 Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Kế hoạch triển khai Kết luận số 54-KL/TW ngày 07/8/2019 của Bộ chính trị về việc tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 khóa X;

Căn cứ Quyết định số 46/2015/QĐ-TTg ngày 28/9/2015 của Thủ tướng Chính phủ Quy định chính sách Hỗ trợ đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 3 tháng;

Căn cứ Nghị định số 49/2020/NĐ-CP ngày 17/4/2020 của Chính phủ về Quy định chi tiết thi hành Luật Thi hành án hình sự về tái hòa nhập cộng đồng;

Căn cứ Quyết định 1881/QĐ-TTg ngày 20/11/2020 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt chương trình khuyến công quốc gia giai đoạn 2021 – 2025;

UBND tỉnh ban hành Kế hoạch về Hỗ trợ đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 03 tháng giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu như sau:

## **I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU**

### **1. Mục đích:**

- Nhằm trang bị kiến thức nghề, kỹ năng và thái độ nghề nghiệp cho người học ứng dụng khoa học kỹ thuật trong sản xuất góp phần tăng năng suất lao động, giải quyết việc làm và tăng thu nhập cho người lao động, từng bước nâng cao mức sống của người lao động.

- Nhằm thực hiện công bằng xã hội về cơ hội học nghề; nâng cao số lượng và chất lượng nguồn nhân lực đồng thời cung cấp nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

- Góp phần chuyển dịch cơ cấu lao động và cơ cấu kinh tế, phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn và xây dựng nông thôn mới.

### **2. Yêu cầu:**

- Đào tạo nghề gắn với mục tiêu, nhiệm vụ trọng tâm, quy hoạch và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh giai đoạn 2021 - 2025.

- Nâng cao chất lượng, hiệu quả đào tạo và tạo điều kiện thuận lợi để người lao động tham gia học nghề phù hợp với trình độ học vấn, điều kiện kinh tế và nhu cầu học nghề của mình.

- Đảm bảo đúng đối tượng được thụ hưởng chính sách theo quy định; Người học nghề sau khi học xong thực hiện được kỹ năng nghề đã được đào tạo.

- Cơ sở tham gia đào tạo có đủ điều kiện về đội ngũ giáo viên, cơ sở vật chất, trang thiết bị đào tạo khi tổ chức các lớp học tại địa phương.

## **II. NỘI DUNG**

### **1. Số người hỗ trợ học nghề:**

Trong giai đoạn 2021 – 2025, dự kiến số người hỗ trợ học nghề **7.000** người (chi tiết theo kế hoạch hàng năm của UBND tỉnh).

### **2. Đối tượng được hỗ trợ chính sách đào tạo nghề:**

- Đối tượng theo quy định tại Khoản 1, Điều 2 của Quyết định số 46/2015/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ; cụ thể: người học là phụ nữ, lao động nông thôn, người khuyết tật tham gia học các chương trình đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 03 tháng; trong đó ưu tiên người khuyết tật và các đối tượng là người thuộc diện được hưởng chính sách ưu đãi người có công với cách mạng, người dân tộc thiểu số, người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, lao động nữ bị mất việc làm, ngư dân.

- Đối tượng theo quy định tại Điều 2 của Nghị định số 49/2020/NĐ-CP ngày 17/4/2020 của Chính phủ về Quy định chi tiết thi hành Luật Thi hành án hình sự về tái hòa nhập cộng đồng; cụ thể: phạm nhân tại các Nhà tạm giữ thuộc Công an các huyện – thị xã – thành phố và Trại tạm giam Công an tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu; người chấp hành xong hình phạt tù trở về cư trú trên địa bàn tỉnh.

- Người được hưởng chính sách hỗ trợ theo quy định tại Điểm b, Khoản 4, Mục IV của Quyết định 1881/QĐ-TTg ngày 20/11/2020 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt chương trình khuyến công quốc gia giai đoạn 2021 – 2025; cụ thể: là lao động làm việc tại các cơ sở công nghiệp nông thôn.

### **3. Điều kiện được hỗ trợ học nghề:**

- Trong độ tuổi lao động (nữ từ đủ 15-55 tuổi; nam từ đủ 15-60 tuổi), có nhu cầu học nghề, có trình độ học vấn; trường hợp học nghề, tập nghề để làm việc cho người sử dụng lao động thì phải đủ 14 tuổi; những người không biết đọc, viết có thể tham gia học những nghề phù hợp thông qua hình thức kèm cặp, truyền nghề và phải đủ sức khỏe phù hợp với ngành nghề cần học.

- Có phương án tự tạo việc làm sau học nghề đảm bảo tính khả thi theo xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã đối với người tự tạo việc làm hoặc được đơn vị sử dụng lao động cam kết tuyển dụng hoặc có đơn vị cam kết bao tiêu sản phẩm sau học nghề.

- Đối với lao động nông thôn: Người lao động đang cư trú tại các xã, người lao động cư trú tại các phường, thị trấn đang trực tiếp làm nông nghiệp.

- Đối với người khuyết tật: Có giấy xác nhận khuyết tật.

- Đối với lao động bị mất việc làm: trường hợp làm việc theo hợp đồng có một trong các giấy tờ sau: Quyết định thôi việc, buộc thôi việc; quyết định sa thải; thông báo hoặc thỏa thuận chấm dứt hợp đồng lao động, hợp đồng làm việc; hợp đồng lao động hoặc hợp đồng làm việc đã hết hạn hoặc đã hoàn thành công việc theo hợp đồng lao động; trường hợp làm việc không theo hợp đồng: Giấy xác nhận của người sử dụng lao động; trường hợp tự tạo việc làm: Giấy đăng ký kinh doanh còn hiệu lực hoặc xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã (trong trường hợp không có giấy đăng ký kinh doanh).

- Đối với người đã được hỗ trợ đào tạo nhưng bị mất việc làm thì ngoài các giấy tờ nêu trên cần bổ sung thêm chứng chỉ hoặc giấy chứng nhận đã hoàn thành khóa đào tạo trước đó.

- Đối với phạm nhân tại các Nhà tạm giữ thuộc Công an các huyện – thị xã – thành phố và Trại tạm giam Công an tỉnh: phải có tên trong danh sách kèm theo kế hoạch đào nghề hàng năm của Công an tỉnh.

- Đối với người chấp hành xong hình phạt tù trở về cư trú trên địa bàn tỉnh phải có Giấy chứng nhận đã chấp hành xong án phạt tù.

- Đối với lao động làm việc tại các cơ sở công nghiệp nông thôn: phải có hợp đồng lao động giữa người lao động và đại diện cơ sở (trường hợp không có hợp đồng thì phải có xác nhận của chủ cơ sở công nghiệp nông thôn).

\* Đối tượng sau đây không được hỗ trợ chính theo sách này: Người mất việc đã được hưởng chính sách đào tạo nghề theo Điều 55 của Luật việc làm (Luật số 38/2013/QH13).

#### **4. Chính sách hỗ trợ đào tạo:**

##### **4.1 Mức hỗ trợ chi phí đào tạo:**

- Đối với Người khuyết tật: tiếp tục thực hiện mức hỗ trợ được UBND tỉnh ban hành tại Quyết định số 2712/QĐ-UBND ngày 10/11/2015.

- Đối với các đối tượng khác: Sở Lao động – Thương binh và Xã hội phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các sở, ngành, đơn vị có liên quan tham mưu UBND tỉnh ban hành mức chi áp dụng theo từng nghề và từng đối tượng phù hợp với quy định.

**4.2 Mức hỗ trợ tiền ăn, tiền đi lại:** đối tượng tham gia học nghề được hỗ trợ tiền ăn và tiền đi lại theo Khoản 2 Điều 5 của Quyết định 46/2015/QĐ-TTg.

##### **5. Danh mục nghề đào tạo:**

- Trên cơ sở các nghề đã được ban hành định mức kinh tế kỹ thuật và đơn giá, nhu cầu học nghề thực tế của lao động, danh mục nghề sẽ được UBND tỉnh ban hành theo kế hoạch hỗ trợ đào tạo hàng năm.

- Ngoài các nghề đã được ban hành định mức kinh tế kỹ thuật và đơn giá, căn cứ nhu cầu thực tế hàng năm nếu phát sinh nghề chưa được ban hành, UBND tỉnh giao Sở Lao động – Thương binh và Xã hội chủ trì phối hợp với đơn vị liên quan xây dựng đơn giá đặt hàng Điều 10 Thông tư 152/2016/TT-BTC để tổ chức đào tạo các nghề phi nông nghiệp; Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì phối hợp với đơn vị liên quan xây dựng đơn giá đặt hàng trong trường hợp chưa có định mức kinh tế kỹ thuật, định mức chi phí để tổ chức đào tạo các nghề nông nghiệp.

## **6. Tổ chức đào tạo trình độ sơ cấp và dưới 3 tháng:**

### **6.1. Quy mô đào tạo, hình thức, chương trình đào tạo:**

- Quy mô đào tạo nghề: mỗi lớp học không quá 35 người, bố trí giáo viên giảng dạy thực hành tối đa không quá 18 học viên/01 giáo viên. Đối với các lớp đào tạo nghề cho người dân tộc thiểu số hoặc người khuyết tật quy mô mỗi lớp không quá 20 người, bố trí giáo viên giảng dạy thực hành không quá 10 học viên/01 giáo viên (trừ các nghề đặc thù có quy định riêng);

- Hình thức đào tạo: Vận dụng linh hoạt giữa đào tạo chính quy và đào tạo thường xuyên, tạo điều kiện thuận lợi nhất cho đối tượng học nghề tham gia đầy đủ các giờ giảng để phát huy hiệu quả đào tạo.

- Địa điểm tổ chức đào tạo: tổ chức tại cơ sở đào tạo hoặc tại địa phương. Lựa chọn địa điểm tổ chức đào tạo phải phù hợp với điều kiện cụ thể của từng lớp và đáp ứng các yêu cầu về cơ sở vật chất để bố trí trang thiết bị, nguyên vật liệu để thực hành cho các lớp đào tạo đảm bảo theo quy định.

- Chương trình, giáo trình đào tạo nghề: Chương trình đào tạo trình độ sơ cấp: thời gian thực học tối thiểu là 300 giờ, trong đó thời gian thực hành tối thiểu chiếm từ 70% thời gian thực học. Chương trình đào tạo dưới 03 tháng: thời gian thực học từ 100 giờ đến dưới 300 giờ, trong đó thời gian thực hành tối thiểu chiếm 80% thời gian thực học.

### **6.2. Đơn vị tham gia đào tạo nghề:**

Các trường cao đẳng, trung cấp, trung tâm GDNN, tổ chức chính trị - xã hội, địa phương, doanh nghiệp, hợp tác xã, các Viện nghiên cứu và các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ...có đủ điều kiện đào tạo; cụ thể:

- Cơ sở tham gia đào tạo nghề trình độ sơ cấp phải được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động đào tạo nghề đối với nghề đào tạo.

- Cơ sở tham gia đào tạo nghề dưới ba tháng phải chuẩn bị đủ các điều kiện để dạy nghề và được Sở Lao động - Thương binh và Xã hội kiểm tra, thông báo bằng văn bản về nghề đào tạo, quy mô đào tạo đối với từng nghề. Các điều kiện để dạy nghề, gồm:

+ Có đội ngũ giáo viên hoặc người đào tạo nghề có chuyên môn, tay nghề, kinh nghiệm thực tế về nghề sẽ tổ chức đào tạo; đã được bồi dưỡng kỹ năng đào tạo

nghề và phải có ít nhất 02 giáo viên hoặc người đào tạo nghề trực tiếp giảng dạy ở 01 lớp đào tạo nghề;

+ Có đủ cơ sở vật chất, thiết bị, phương tiện dạy nghề phù hợp với nghề sẽ tổ chức đào tạo và số lượng người học;

+ Có chương trình, tài liệu dạy nghề của nghề sẽ tổ chức đào tạo được xây dựng và phê duyệt phù hợp với đặc điểm, điều kiện cụ thể theo yêu cầu sản xuất, kinh doanh hoặc quy trình sinh trưởng của cây trồng, vật nuôi và điều kiện của người học ở từng vùng; chương trình đào tạo phải xác định rõ thời gian đào tạo và thời gian thực học của từng nghề.

## **7. Nhiệm vụ và giải pháp:**

### **7.1. Tuyên truyền, tư vấn học nghề và việc làm:**

- Phổ biến chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về chính sách hỗ trợ đào tạo trình độ sơ cấp và đào tạo dưới 03 tháng; các mô hình chuyển dịch cơ cấu kinh tế, mô hình hiệu quả trong sản xuất, kinh doanh, dịch vụ...sau khi học nghề.

- Tăng cường và nâng cao chất lượng công tác tư vấn định hướng nghề nghiệp và thông tin thị trường lao động.

- Tăng cường công tác tư vấn giới thiệu việc làm, hỗ trợ thông tin thị trường và tổ chức bao tiêu sản phẩm nông nghiệp cho người lao động sau đào tạo.

- Nâng cao nhận thức của người dân để tích cực tham gia học nghề tạo việc làm, nâng cao thu nhập và ổn định cuộc sống đồng thời góp phần xây dựng nông thôn mới.

### **7.2. Hoạt động rà soát, cập nhật, bổ sung, đánh giá, xác định nhu cầu đào tạo nghề:**

Hàng năm, tổ chức rà soát, cập nhật thông tin nhu cầu học nghề của người lao động; nhu cầu sử dụng lao động qua đào tạo nghề của các doanh nghiệp; năng lực đào tạo của các cơ sở đào tạo nghề trên địa bàn để từ đó xây dựng danh mục nghề đào tạo phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế xã hội của từng địa phương. Tập trung xây dựng mô hình điểm để chỉ đạo, rút kinh nghiệm trong xây dựng mô hình đào tạo nghề gắn với giải quyết việc làm, đặc biệt là đối với các mô hình đạt hiệu quả cần nhân rộng.

### **7.3. Hỗ trợ đào tạo nghề cho người lao động:**

Tổ chức đào tạo nghề trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 03 tháng cho lao động, trong đó bảo đảm theo thứ tự dành cho đối tượng thuộc diện ưu tiên. Việc tổ chức đào tạo sơ cấp phải đảm bảo đúng theo quy định tại Thông tư 42/2015/TT-BLĐTBXH ngày 20/10/2015; đào tạo dưới 3 tháng phải đảm bảo đúng theo quy định tại Thông tư 43/2015/TT-BLĐTBXH ngày 20/10/2015 của Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội.

#### **7.4. Kiểm tra, giám sát, báo cáo đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch:**

- Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các đơn vị liên quan tổ chức kiểm tra, giám sát, đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch đối với các huyện, thị xã, thành phố, đơn vị và tổ chức có liên quan.

- Đối với các lớp đào tạo nghề phi nông nghiệp giao Sở Lao động - Thương binh và Xã hội thực hiện kiểm tra giám sát; đối với các lớp đào tạo nghề nông nghiệp giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn kiểm tra, giám sát (hình thức: kiểm tra thực tế, đột xuất hoặc theo kế hoạch ít nhất 01 lần/ lớp).

- UBND các huyện, thị xã, thành phố chỉ đạo các cơ quan chuyên môn cử công chức tham gia kiểm tra, giám sát các lớp đào tạo trên địa bàn do địa phương đề xuất mở lớp cùng với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

- Chỉ đạo kiểm tra giám sát hoạt động đào tạo nghề của tất cả các cơ sở giáo dục nghề nghiệp tham gia đào tạo nghề cho lao động tại địa phương (hình thức: kiểm tra thực tế, đột xuất hoặc theo kế hoạch ít nhất 01 lần/ lớp).

#### **7.5. Hoạt động xây dựng định mức kinh tế kỹ thuật và đơn giá các nghề đào tạo:**

Hàng năm, Sở Lao động – Thương binh và Xã hội chủ trì xây dựng định mức kinh tế kỹ thuật và đơn giá các nghề phi nông nghiệp, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì xây dựng định mức kinh tế kỹ thuật và đơn giá các nghề nông nghiệp trình UBND tỉnh ban hành để bổ sung vào danh mục nghề trình độ sơ cấp và đào tạo dưới 03 tháng.

### **III. KINH PHÍ THỰC HIỆN**

**1. Kinh phí thực hiện:** Kinh phí thực hiện trong giai đoạn 2021-2025 chi cho các hoạt động sau:

- Hỗ trợ đào tạo nghề;
- Hỗ trợ tiền ăn cho người học;
- Hỗ trợ đi lại cho người học;
- Kiểm tra, giám sát;
- Tuyên truyền và tư vấn học nghề;
- Xây dựng định mức kinh tế kỹ thuật và đơn giá.

*(Chi tiết theo Kế hoạch hàng năm do UBND tỉnh ban hành).*

#### **2. Cơ chế tài chính:**

- Nguồn kinh phí thực hiện: nguồn ngân sách tỉnh.

- Cơ chế phân bổ ngân sách: trên cơ sở kế hoạch hàng năm, kinh phí sẽ phân bổ gắn liền với nhiệm vụ của từng Sở, ngành và UBND các huyện, thị xã, thành phố để thực hiện theo cơ chế đặt hàng, giao nhiệm.

- Việc sử dụng kinh phí hỗ trợ đào tạo nghề trình độ sơ cấp và đào tạo nghề dưới 03 tháng thực hiện theo cơ chế đặt hàng, giao nhiệm vụ đào tạo theo quy định của Luật Đấu thầu, Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn Luật.

- Huy động thêm nguồn lực của các cơ sở đào tạo nghề, doanh nghiệp, cá nhân và cộng đồng để bổ sung cho việc thực hiện Kế hoạch. Các khoản chi phí, hỗ trợ của doanh nghiệp cho hoạt động đào tạo nghề được tính là các khoản giảm trừ khi tính thu nhập chịu thuế theo quy định của pháp luật.

- Ngân sách tỉnh đảm bảo các hoạt động của kế hoạch gồm:

+ Hoạt động tuyên truyền tư vấn học nghề, việc làm (bồi dưỡng kỹ năng tuyên truyền tư vấn học nghề, việc làm cho người lao động, tuyên truyền trên các phương tiện thông tin ở trung ương và địa phương).

+ Đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 03 tháng.

+ Hoạt động kiểm tra, giám sát và đánh giá của Sở Lao động – Thương binh và Xã hội, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

+ Xây dựng mức kinh tế kỹ thuật, định mức chi phí, xây dựng đơn giá đặt hàng đào tạo.

- Ngân sách cấp huyện: UBND các huyện, thị xã, thành phố tự cân đối thêm để đảm bảo kinh phí chi cho công tác tuyên truyền, kiểm tra, giám sát của các cơ quan chuyên môn và UBND cấp xã trên địa bàn.

#### **IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

##### **1. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội:**

- Là cơ quan thường trực giúp UBND tỉnh triển khai thực hiện; tổ chức kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện hỗ trợ đào tạo nghề theo Kế hoạch này đối với các địa phương, cơ quan đơn vị và cơ sở đào tạo nghề có liên quan; đôn đốc và báo cáo tình hình, kết quả thực hiện kế hoạch theo định kỳ 06 tháng, hàng năm và đột xuất khi có yêu cầu.

- Chủ trì phối hợp với các Sở, Ngành và UBND các huyện, thị xã thành phố tham mưu UBND tỉnh ban hành: danh mục nghề gắn với định mức chi, kế hoạch triển khai thực hiện hàng năm.

- Chủ trì phối hợp với các Sở, Ngành có liên quan xây dựng định mức kinh tế kỹ thuật và đơn giá các nghề phi nông nghiệp trình độ sơ cấp và dưới 3 tháng; phối hợp với Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành hướng dẫn thực hiện thanh quyết toán kinh phí theo kế hoạch.

- Tiếp nhận kinh phí trên cơ sở nhiệm vụ theo kế hoạch hàng năm; chịu trách nhiệm ký kết hợp đồng đào tạo nghề phi nông nghiệp theo nhu cầu sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, cho lao động của nhiều địa phương trong một lớp nghề và đào tạo nghề cho người khuyết tật.

- Triển khai các cơ sở giáo dục nghề nghiệp phối hợp tổ chức đào tạo trình độ sơ cấp và đào tạo nghề dưới 03 tháng cho phạm nhân tại các Nhà tạm giữ thuộc Công an các huyện – thị xã – thành phố và Trại tạm giam Công an tỉnh khi có Kế hoạch của Công an tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

## **2. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:**

- Chủ trì phối hợp với các Sở, ngành có liên quan xây dựng định mức kinh tế kỹ thuật và đơn giá các nghề nông nghiệp trình độ sơ cấp và dưới 3 tháng.

- Phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội thực hiện kiểm tra liên ngành (nếu có) báo cáo định kỳ và đột xuất tình hình đào tạo nghề nông nghiệp và xây dựng kế hoạch hàng năm của UBND tỉnh

- Chủ trì, phối hợp với Sở Lao động – Thương binh và Xã hội, các Sở, ngành và UBND các huyện, thị xã thành phố tham mưu xây dựng danh mục nghề, định mức chi cho các nghề nông nghiệp.

- Tiếp nhận kinh phí thực hiện trên cơ sở nhiệm vụ được giao tại kế hoạch hàng năm của UBND tỉnh.

## **3. Công an tỉnh:**

- Chủ trì, chỉ đạo các Nhà tạm giữ thuộc Công an các huyện – thị xã – thành phố và Trại tạm giam Công an tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu triển khai đào tạo trình độ sơ cấp và đào tạo nghề dưới 03 tháng cho phạm nhân nếu đáp ứng đủ điều kiện.

- Tiếp nhận kinh phí thực hiện đặt hàng giao nhiệm vụ đối với cơ sở đào tạo đáp ứng đủ điều kiện khi tham gia đào tạo nghề tại các Nhà tạm giữ thuộc Công an các huyện – thị xã – thành phố và Trại tạm giam Công an tỉnh.

- Phối hợp với Sở Lao động – Thương binh và Xã hội, các Sở, Ngành và UBND các huyện, thị xã thành phố cùng tham mưu xây dựng kế hoạch của UBND tỉnh và báo cáo kết quả thực hiện hàng năm.

## **4. Sở Tài chính:**

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan, tham mưu UBND tỉnh kinh phí thực hiện kế hoạch hỗ trợ đào tạo trình độ sơ cấp và dưới 03 tháng giai đoạn 2021-2025 theo khả năng cân đối ngân sách và quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

- Kiểm tra, hướng dẫn thực hiện kinh phí của kế hoạch đối với các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh.

## **5. Sở Công thương:**



- Hướng dẫn, hỗ trợ các cơ sở công nghiệp nông thôn và người lao động đang làm việc tại các cơ sở công nghiệp nông thôn đăng ký học nghề với địa phương nơi cơ sở đang hoạt động khi có nhu cầu.

- Chủ trì phối hợp với cơ quan, đơn vị triển khai các hoạt động hỗ trợ tổ chức sản xuất, xây dựng thương hiệu hàng hóa, hỗ trợ tiêu thụ sản phẩm cho người lao động sau đào tạo.

**6. Sở Thông tin và Truyền thông:** chỉ đạo, định hướng cho các cơ quan truyền thông trong tỉnh tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền trên các phương tiện truyền thông, các trang thông tin điện tử, bản tin của các cơ quan nhà nước, đoàn thể, doanh nghiệp về công tác đào tạo nghề, tạo việc làm đối với người lao động.

### **7. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố:**

- Trên cơ sở Kế hoạch hàng năm của UBND tỉnh ban hành kế hoạch cụ thể để tổ chức đào tạo nghề cho người lao động.

- Chỉ đạo đài truyền thanh của địa phương xây dựng chuyên mục tuyên truyền về đào tạo nghề cho lao động trên địa bàn.

- Chỉ đạo cơ quan chuyên môn phối hợp với Trung tâm Dịch vụ việc làm tỉnh thông tin về thị trường lao động, sản giao dịch việc làm để người lao động biết và tham gia thị trường lao động.

- Chỉ đạo Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn: rà soát tư vấn, thống kê nhu cầu học nghề của người lao động đủ điều kiện học nghề (bao gồm cả người chấp hành xong hình phạt tù trở về cư trú trên địa bàn và người khuyết tật), chịu trách nhiệm xác nhận vào đơn học nghề của người lao động; xác nhận việc học nghề ứng với việc làm, tăng năng xuất lao động hoặc tự giải quyết việc làm sau khi học nghề để các cơ sở đào tạo nghề tổ chức đào tạo nghề cho người lao động; tăng cường tuyên truyền về chính sách đào tạo nghề cho người dân trên địa bàn.

- Báo cáo định kỳ tình hình thực chỉ tiêu, nhiệm vụ kế hoạch với UBND tỉnh (qua Sở Lao động – Thương binh và Xã hội) để tổng hợp báo cáo Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội và các cơ quan liên quan.

### **7. Các cơ sở tham gia đào tạo:**

Phối hợp tổ chức tuyển sinh đào tạo các nghề nông nghiệp, phi nông nghiệp theo quy định; thực hiện các quy định về biểu mẫu, sổ sách quản lý dạy và học; tổ chức kiểm tra, thi và cấp chứng chỉ hoặc chứng nhận theo quy định hiện hành; phối hợp với UBND cấp xã theo dõi, thống kê tình trạng việc làm và thu nhập với việc làm có được sau khi học nghề.

**8. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh, các tổ chức chính trị - xã hội (Hội Nông dân tỉnh, Hội liên hiệp phụ nữ tỉnh):**

- Tổ chức tuyên truyền vận động người lao động, hội viên, đoàn viên là đối tượng được hỗ trợ theo kế hoạch tham gia học nghề.

- Tham gia kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện kế hoạch khi các cơ quan chuyên môn triển khai thực hiện mời làm thành viên.

Trên đây là Kế hoạch của UBND tỉnh về Hỗ trợ đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 03 tháng giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Trong quá trình thực hiện nếu gặp khó khăn, vướng mắc các cơ quan, đơn vị, địa phương có ý kiến bằng văn bản báo cáo UBND tỉnh (qua Sở Lao động – Thương binh và Xã hội) để xem xét, sửa đổi bổ sung cho phù hợp; yêu cầu Thủ trưởng các Sở, Ban, Ngành, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố và các cơ quan, tổ chức liên quan chỉ đạo, triển khai thực hiện./.

***Nơi nhận:***

- Bộ LĐTB&XH (b/c);
- Bộ NN&PTNT (b/c);
- TTr.TU, TTr.HĐND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch UBND tỉnh (b/c);
- UBMTTQVN tỉnh (p/h);
- Công an tỉnh;
- Các Sở: LĐTB&XH, NN&PTNT, KH&ĐT, TC, TT&TT, CT, GD&ĐT, Ban Dân tộc;
- Hội LHPN tỉnh, Hội Nông dân tỉnh, Hội Người mù tỉnh; Hội Nạn nhân CĐDC/DIOXIN&BTXH tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- CVP.UBND tỉnh;
- Lưu: VT, VX5.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Trần Văn Tuấn**

